

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ ANH TUẤN

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ
TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH

Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. HOÀNG TÙNG**

Phản biện 1: **TS. Đoàn Thị Ngọc Trai**

Phản biện 2: **TS. Phạm Tiến Hưng**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 26 tháng 03 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Kế toán quản trị chi phí có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin về chi phí trong các doanh nghiệp. Kế toán quản trị luôn tồn tại trong mỗi tổ chức, mỗi đơn vị. Tuy nhiên tác dụng cung cấp thông tin cho các nhà quản trị khác nhau sẽ khác nhau, tùy thuộc vào việc xây dựng và khai thác hệ thống KTQT chi phí đó. Các doanh nghiệp ở các nước phát triển đã xây dựng hệ thống KTQT cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà quản trị nội bộ để trợ giúp trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và đánh giá, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch từ đó có những quyết định hợp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kinh doanh xăng dầu là một trong số các ngành có vị trí quan trọng bậc nhất trong nền kinh tế quốc dân, thực hiện cung cấp các mặt hàng về nhiên liệu phục vụ việc sản xuất kinh doanh có ảnh hưởng trực tiếp đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Mục tiêu xây dựng của ngành xăng dầu trở thành ngành kinh doanh mũi nhọn, đảm bảo cung cấp mọi nhu cầu của người dân cũng như có thể cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới. Trước xu thế hội nhập quốc tế, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và công ty xăng dầu Quảng Bình nói riêng muốn có chỗ đứng trên thị trường và giữ vững được khách hàng phải đổi mới công nghệ, đầu tư thiết bị, cơ sở vật chất, tiết kiệm chi phí và thời gian... Công ty xăng dầu Quảng Bình là một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam với lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh xăng dầu; các sản phẩm về gas và phụ kiện; các sản phẩm về

vật tư, xi măng, sắt, thép; kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng như cao su, chè, cà phê, hải sản... Với hoạt động kinh doanh đa dạng như vậy, vấn đề kiểm soát chặt chẽ chi phí kinh doanh, đảm bảo chi phí không thất thoát, lãng phí là rất quan trọng

Hiện tại, công tác kiểm soát chi phí tại Công ty đã có nhiều mặt tích cực như: xây dựng hệ thống định mức, phân công phân nhiệm cho các phòng, ban, cá nhân, tổ chức quá trình kinh doanh. Tuy nhiên, việc kiểm soát chi phí còn có nhiều hạn chế cần khắc phục. Trước nhu cầu cấp thiết như vậy đòi hỏi công ty phải tổ chức thông tin kế toán qua đó có thể giúp nhà quản trị quản lý có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. KTQT chi phí với đặc điểm riêng của mình đáp ứng những yêu cầu về thông tin của quản trị trong việc lập kế hoạch, tổ chức tiến hành, kiểm tra và ra quyết định

Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn, tôi đã chọn đề tài **“Kế toán quản trị chi phí tại Công ty Xăng dầu Quảng Bình”**

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu và làm rõ những vấn đề thuộc về cơ sở lý luận của kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp thương mại.

Nghiên cứu đánh giá thực trạng KTQT chi phí tại Công ty Xăng dầu Quảng Bình để tìm ra ưu điểm và những mặt còn hạn chế trong công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty.

Vận dụng lý luận và nghiên cứu thực tiễn, tác giả đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Công ty Xăng dầu Quảng Bình nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu những lý luận chung về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp thương mại mà trọng tâm đó là chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Với điều kiện cho phép, luận văn chỉ nghiên cứu KTQT chi phí ở lĩnh vực thương mại tại công ty xăng dầu Quảng Bình. Trên cơ sở khảo sát thực tế tình hình thực hiện KTQT chi phí tại công ty, nhằm hoàn thiện KTQT chi phí phù hợp với điều kiện ở lĩnh vực kinh doanh của công ty.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng, đề tài nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn liên quan một cách logic và đảm bảo tính hệ thống. Luận văn sử dụng các phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích, so sánh, kiểm chứng... để trình bày các vấn đề về tổ chức KTQT chi phí ở công ty xăng dầu Quảng Bình, từ đó tìm ra các tồn tại của công ty, tổng hợp đưa ra kết luận từ thực tiễn và đề xuất các giải pháp tổ chức KTQT tại công ty.

5. Những đóng góp của đề tài

- Về **mặt lý luận:** Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp thương mại nói chung và doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói riêng.

- Về **mặt thực tiễn:**

Phân tích, đánh giá thực trạng kế toán quản trị và xây dựng cơ sở cho việc lập dự toán chi phí tại công ty.

Lập các báo cáo chi phí phục vụ kiểm tra, đánh giá và ra quyết định kinh doanh tại công ty.

Chỉ ra các nguyên nhân tồn tại trong việc tổ chức kế toán quản trị tại chi phí tại công ty và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị tại công ty.

6. Bố cục của luận văn

Nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng KTQT chi phí tại công ty xăng dầu Quảng Bình

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác KTQT chi phí tại công ty xăng dầu Quảng Bình

7. Tổng quan tài liệu

Vấn đề KTQT mà cụ thể là KTQT chi phí đóng vai trò quan trọng trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh, nó được coi là công cụ quản lý hữu hiệu bởi tính linh hoạt, hữu ích và kịp thời của thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ doanh nghiệp. Với mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau, lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau thì để KTQT có thể đáp ứng cung cấp thông tin cho tất cả các doanh nghiệp đó là một công việc khó khăn. Việc nghiên cứu kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp đã được nhiều tác giả nghiên cứu về nhiều lĩnh vực khác nhau, cụ thể:

Đề tài nghiên cứu của tác giả Đinh Diệu Tuyết (2011) nghiên cứu “ *Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất nhập khẩu Lam Sơn*”- Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán, Đại học Đà Nẵng, [Đề tài nghiên cứu “

Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ” của tác giả Nguyễn Thị Hoàng Oanh (2010), Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán, Đại học Đà Nẵng

Đề tài “ *Hoàn thiện kiểm soát chi phí tại công ty Xăng dầu khu vực V*” của tác giả Trần Ngọc Tuyết (2010), Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán, Đại học Đà Nẵng,

Riêng với đề tài nghiên cứu “ *Hoàn thiện kiểm soát chi phí tại công ty Xăng dầu khu vực V*” của tác giả Trần Ngọc Tuyết đã phân nào cho thấy việc kiểm soát chi phí trong các doanh nghiệp thương mại, cụ thể là lĩnh vực kinh doanh Xăng dầu.

Trên cơ sở thừa kế cơ sở lý luận về KTQT chi phí của các nghiên cứu, cùng với khảo sát thực trạng KTQT chi phí tại công ty xăng dầu Quảng Bình, tác giả sẽ đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện KTQT chi phí tại công ty.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ KTQT CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị chi phí

Thứ nhất, kế toán được định nghĩa là một bộ phận của hoạt động quản lý, với chức năng xử lý và cung cấp thông tin thực hiện về khách thể quản lý cho chủ thể quản lý, định nghĩa này hướng về bản chất của kế toán.

Thứ hai, kế toán được định nghĩa là một quá trình định dạng, đo lường, ghi chép và cung cấp các thông tin về hoạt động kinh tế của một tổ chức. Định nghĩa này hướng về nội dung của kế toán.

1.1.2. Bản chất và vai trò của kế toán quản trị chi phí

a. Bản chất của kế toán quản trị chi phí

Kế toán quản trị cung cấp thông tin thường xuyên và liên tục. Đối với nhà quản trị thông tin cần thiết về quá khứ và hiện tại là dự toán cho tương lai.

b. Vai trò của kế toán quản trị chi phí

Kế toán quản trị chi phí cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc thực hiện các chức năng quản lý. Để thực hiện vai trò của mình, kế toán quản trị chi phí tiến hành *lập dự toán chi phí* để trợ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện chức năng lập kế hoạch; *phản ánh thông tin thực hiện* để trợ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch và *xử lý thông tin thực hiện* để từ đó các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

1.2. KHÁI NIỆM CHI PHÍ VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.2.1 Khái niệm chi phí

Kế toán định nghĩa chi phí là các hy sinh về lợi ích kinh tế, hay nói một cách cụ thể hơn, chi phí phản ánh các nguồn lực mà tổ chức sử dụng để cung cấp các sản phẩm, hoặc dịch vụ.

1.2.2 Phân loại chi phí kinh doanh

a. Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế

b. Phân loại chi phí kinh doanh theo công dụng kinh tế

c. Phân loại chi phí kinh doanh theo mối quan hệ giữa chi phí với sự thay đổi quy mô kinh doanh

d. Phân loại chi phí kinh doanh theo phân cấp kiểm soát chi phí của đơn vị

1.3. NỘI DUNG KTQT TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.3.1. Lập dự toán chi phí kinh doanh

1.3.2. Tổ chức kế toán và lập báo cáo chi phí kinh doanh

- Luân chuyển chứng từ kế toán:

- Tập hợp chi phí:

Kế toán doanh nghiệp tập hợp chi phí phát sinh theo từng địa điểm phát sinh là chi phí được theo dõi theo từng bộ phận qua việc mở sổ chi tiết cũng như sổ cái tài khoản 632-GVHB, tài khoản 641-CPHB, tài khoản 642-CPQLDN.

- **Lập báo cáo chi phí kinh doanh:**

Đây là báo cáo dự toán chi phí lập cho kỳ kế hoạch và được hình thành khi lập dự toán chi phí kinh doanh: được lập nhằm tổng hợp chi phí đã phát sinh trong kỳ ở các bộ phận, là căn cứ để so sánh với chi phí theo dự toán và phân tích các nguyên nhân làm cho chi phí biến động.

1.3.3. Phân tích và kiểm soát chi phí kinh doanh

+ **Phân tích chi phí kinh doanh**

Thông qua phân tích tình hình biến động của chi phí có thể xác định được khả năng, các nguyên nhân tác động đến sự tăng, giảm chi phí thực tế so với chi phí dự toán đặt ra trước đó. Từ đó đề ra các biện pháp khắc phục, các phương án kinh doanh mới, khai thác các khả năng tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ **Kiểm soát giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan đến hàng hóa mua vào. Biến động về giá gắn liền với yếu tố giá và yếu tố hàng hóa tiêu thụ.

+ Kiểm soát chi phí bán hàng:

Đối với doanh nghiệp thương mại xây dựng dự toán chi phí bán hàng tách ra làm hai phần. Phần liên quan trực tiếp tới đơn vị hàng hóa tiêu thụ và phần liên quan đến toàn bộ hàng hóa tiêu thụ, công tác kiểm soát được tiến hành cho cả hai loại

+ Kiểm soát chi phí QLDN

Việc phân tích biến động về chi phí QLDN tương tự như phân tích biến động chi phí bán hàng.

Tóm lại, bất kỳ doanh nghiệp nào khi hoạt động cũng đều phát sinh chi phí, đối với các nhà quản lý thì vấn đề kiểm soát được các chi phí là mối quan tâm hàng đầu, bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít chịu ảnh hưởng từ những chi phí đưa ra.

1.3.4 Phân tích thông tin chi phí phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản trị

a. Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận

b. Phân tích thông tin chi phí thích hợp để ra các quyết định kinh doanh

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tóm lại, KTQT chi phí là bộ phận của hệ thống KTQT nhằm cung cấp thông tin về chi phí để mỗi tổ chức thực hiện chức năng quản trị các yếu tố nguồn lực tiêu dùng cho các hoạt động, nhằm xây dựng kế hoạch, kiểm soát, đánh giá hoạt động và ra các quyết định hợp lý. KTQT chi phí cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các chức năng quản lý. Tất cả các vấn đề lý luận trong chương này là cơ sở để luận văn nghiên cứu thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí kinh doanh tại công ty xăng dầu Quảng Bình.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ****TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH****2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và chức năng, nhiệm vụ của công ty xăng dầu Quảng Bình*****a. Quá trình hình thành và phát triển của công ty***

Công ty xăng dầu Quảng Bình, đơn vị thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, tiền thân là công ty vật tư tổng hợp Quảng Bình (nay là công ty xăng dầu Quảng Bình) là doanh nghiệp được thành lập theo quyết định số 60 QĐ/UB ngày 17/7/1989 của UBND tỉnh Quảng Bình và trực thuộc UBND tỉnh Quảng Bình, nay trực thuộc tập đoàn xăng dầu Quảng Bình

b. Chức năng của công ty

- Tổ chức kinh doanh các mặt hàng xăng Mogas 92, Mogas 95, Diesel, dầu hoả, kinh doanh gas hoá lỏng, bếp gas và phụ kiện gas.

- Kinh doanh vật tư tổng hợp như: sắt, thép, xi măng, vật liệu điện, xuất nhập khẩu: cao su, các loại nông sản, hải sản

c. Nhiệm vụ của Công ty

- Giữ vai trò chủ đạo trong việc bình ổn giá cả thị trường theo sự chỉ đạo của Nhà nước và Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

- Tổ chức kinh doanh có hiệu quả phục vụ nhu cầu tiêu dùng đối với các mặt hàng vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, hoá chất vật liệu điện và các mặt hàng khác.

- Xây dựng kế hoạch lưu chuyển hàng hoá nhằm bảo đảm thực hiện hoàn thành kế hoạch, tổ chức bộ máy kinh doanh có hiệu quả, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

a. Tổ chức bộ máy kế toán

Do đặc điểm địa bàn hoạt động của công ty tương đối rộng, lĩnh vực kinh doanh phức tạp. Công ty áp dụng hình thức kế toán theo quy mô vừa tập trung vừa phân tán.

b. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty

Công ty đang sử dụng hình thức kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính, trình tự lưu chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

c. Đặc điểm hệ thống kế toán tại công ty

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH:

2.2.1 Phân loại chi phí kinh doanh tại công ty Xăng dầu Quảng Bình

Chi phí tại công ty được chia ra thành nhiều loại khác nhau, tác giả sẽ trình bày ở bảng biểu chi phí ở phần sau của luận văn

2.2.2. Công tác lập dự toán tại công ty

Trước hết công ty tự lập dự toán về sản lượng tiêu thụ, GVHB, chi phí bán hàng, chi phí QLDN và chi phí tài chính căn cứ vào tình hình thực hiện năm trước, mục tiêu và tỷ lệ tăng trưởng. (bảng 2.3)

Kế hoạch này sẽ được báo cáo lên tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, dựa vào dự toán của công ty Xăng dầu Quảng Bình và sản lượng mà tập đoàn ước tính thì tập đoàn sẽ ra quyết định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2012.(bảng 2.4)

a. Dự toán giá vốn hàng bán

Mặt hàng kinh doanh tại công ty khá đa dạng về chủng loại bao gồm: xăng dầu, dầu mỡ, dầu ma mút, dầu FO,... và hình thức kinh doanh chủ yếu của công ty là xuất bán trực tiếp nên đòi hỏi dự toán phải chi tiết cho từng mặt hàng, từng yếu tố

Công ty không chủ động nắm giá bán ra thị trường (giá do Bộ Tài chính quy định) nên công ty không lập được kế hoạch giá vốn cụ thể là bao nhiêu về mặt giá trị chỉ lập kế hoạch trên cơ sở sản lượng dự toán và tính theo mức giá thỏa thuận hiện hành của Tập đoàn và công ty (bảng 2.6)

b. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN

Dưới đây là dự toán chi phí của công ty xăng dầu Quảng Bình dựa vào tình hình theo dõi chi phí các năm trước, sau khi trình bày dự toán chi phí này với tập đoàn, tập đoàn sẽ duyệt lại với mức dựa trên sản lượng.(bảng 2.7)

Theo phân bổ nguồn lương của tập đoàn thì trong chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp có rất nhiều khoản chi phí mà công ty phải quan tâm, chúng ta sẽ đi tìm hiểu một số chi phí cơ bản dưới đây

*** Dự toán chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương:**

Có thể thấy QTL của công ty xăng dầu Quảng Bình do tập đoàn xăng dầu quy định được chia thành hai phần, một phần QTL dành cho bộ phận quản lý là quỹ tiền lương cố định, một phần dành cho các bộ phận khác trong doanh nghiệp dựa vào sản lượng đã dự toán.

*** Dự toán các khoản chi phí khác:**

Chủ yếu dựa vào sản lượng dự tính sẽ tiêu thụ trong năm để xây dựng, cụ thể hơn chúng ta tìm hiểu ở bảng phân bổ dự toán chi phí.

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
KẾ HOẠCH CHI PHÍ KINH DOANH XĂNG DẦU NĂM 2012
CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH

*(Ban hành theo quyết định số: 009/PLX-QĐ-HĐQT ngày 08/01/2012
của Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam)*

ĐVT: 1000 ĐỒNG

STT	CHỈ TIÊU	CHI PHÍ KINH DOANH XĂNG DẦU	
		GIÁ TRỊ	Đ/ lít
I	TỔNG SẢN LƯỢNG	64.700	
II	TỔNG CHI PHÍ	56.300.000	870
1	Chi phí tiền lương	15.830.000	245
2	Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ	2.130.00	33
3	Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	950.000	15
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	8.740.000	135
5	Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.810.000	43
6	Chi phí nguyên vật liệu	880.000	14
7	Chi phí bảo quản	140.000	2
8	Chi phí vận chuyển	11.700.000	181
9	Chi phí bảo hiểm	790.000	12
10	Chi phí hoa hồng, môi giới, hỗ trợ	700.000	11
11	Chi phí đào tạo, tuyển dụng	230.000	4
12	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.210.000	19
13	Chi phí văn phòng và công tác	560.000	9
14	Chi phí dự phòng	-	0
15	Chi phí theo chế độ cho người LĐ	3.640.000	56
16	Chi phí Quảng cáo, tiếp thị, ..	2.310.000	36
17	Thuế, phí, lệ phí	3.680.000	57

Nhận xét: Trong việc thực hiện dự toán chi phí kinh doanh xăng dầu thì công ty đặt nặng về vấn đề sản lượng tiêu thụ đã đặt ra, công ty chỉ được sử dụng tối đa lượng chi phí mà công ty đã đặt ra theo sản lượng quy định, nếu không hoàn thành sản phẩm sản lượng đặt ra ban đầu thì chi phí cũng sẽ giảm với lượng tương ứng mà tập đoàn đã giao. Nếu sản lượng tiêu thụ thực tế vượt kế hoạch thì các khoản chi phí này sẽ tăng theo tỷ lệ thuận nhưng có sự kiểm soát của công ty cũng như mức tăng nhất định của tập đoàn giao.

2.2.3 Kế toán tập hợp giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí QLDN tại công ty Xăng dầu Quảng Bình

a. Kế toán tập hợp giá vốn hàng bán

Nguồn hàng là do tập đoàn cung cấp nên giá cả là sự thỏa thuận giữa công ty và tập đoàn. .

Cụ thể theo quy trình trên giá vốn được tập hợp trên bảng số liệu (số liệu được trích từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012)

Nhận xét: Qua bảng thống kê về bảng số liệu giá vốn hàng bán, chúng ta khó có thể so sánh giữa chi phí giá vốn thực tế và chi phí giá vốn kế hoạch vì không đồng nhất về đơn vị đo lường, ở báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trích nguồn) thì số liệu về chi phí giá vốn hàng bán đã được quy đổi về đơn vị tiền dựa trên lượng tiêu thụ thực tế và các đơn giá tiêu thụ ở từng thời kỳ khác nhau, còn số liệu ở bảng kế hoạch về giá vốn này thì vẫn theo dõi dưới dạng tạm tính theo đơn vị đo lường là m3, tấn.

b. Kế toán tập hợp chi phí bán hàng và QLDN

➤ Chi phí bán hàng

*** Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên**

Phòng kế toán sau khi nhận được bảng chấm công và bảng tính tiền lương thì tính tổng tiền lương và chuyển tới ngân hàng kèm theo Ủy nhiệm chi.

Cách tính tiền lương mỗi năm là khác nhau, tùy theo kế hoạch của Tập đoàn giao xuống. Cụ thể như sau:

*** Văn phòng công ty:**

Quỹ tiền lương thực hiện = Quỹ tiền lương kế hoạch

*** Khôi cửa hàng xăng dầu, trong đó:**

+ Kinh doanh xăng dầu chính:

- Nếu sản lượng thực hiện **đạt 100%** kế hoạch công ty giao, QTL quyết toán **bằng 100%** kế hoạch

- Nếu tổng sản lượng thực hiện tăng so với mức kế hoạch công ty giao thì cứ **tăng 1% sản lượng** kế hoạch thì **QTL được tăng lên thêm 0.5%**.

- Sản lượng thực hiện **không đạt 100%** kế hoạch công ty giao, QTL **giảm trừ tương ứng**.

+ Loại hình SXKD và dịch vụ khác:

Quỹ tiền lương thực hiện = Lãi gộp thực hiện * đơn giá kế hoạch

Qua bảng thống kê về số liệu trên, chúng ta khó có thể so sánh giữa chi phí giá vốn thực tế và chi phí giá vốn kế hoạch vì không đồng nhất về đơn vị đo lường, ở báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trích nguồn) thì số liệu về chi phí giá vốn hàng bán đã được quy đổi về đơn vị tiền dựa trên lượng tiêu thụ thực tế và các đơn giá tiêu thụ ở từng thời kỳ khác nhau, còn số liệu ở bảng kế hoạch về giá vốn này thì vẫn theo dõi dưới dạng tạm tính theo đơn vị đo lường là m3, tấn.

+ Chi phí thiết bị, CCDC, bao bì dùng cho vận chuyển:

+ **Chi phí khấu hao TSCĐ:**

Thủ tục kiểm soát chi phí này dựa vào kế hoạch mua sắm TSCĐ sau đó tính trích khấu hao hợp lý bằng cách lập bảng tính trích khấu hao cho từng tài sản. Hàng tháng, kế toán phần hành này sẽ lập bảng trích khấu hao TSCĐ từng phòng ban, từng cửa hàng, chi tiết từng tài sản in ra chuyển kế toán trưởng duyệt và hạch toán ghi tăng khấu hao và ghi tăng chi phí TK 641 ở phần mềm.

+ **Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ bộ phận bán hàng và chi phí bằng tiền khác**

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

+ **Chi phí vận chuyển:** chủ yếu là chi phí vận chuyển nội địa. Sau khi ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa, tùy theo địa điểm giao hàng và hình thức bán, phòng kinh doanh lựa chọn công ty vận chuyển. Phòng kinh doanh lập hợp đồng trình Giám đốc ký duyệt

+ **Chi phí bảo quản và chi phí hao hụt:**

Do đặc thù xăng dầu nên tại công ty xăng dầu Quảng Bình, chi phí hao hụt chiếm tỷ trọng rất lớn. Để nắm rõ tình hình hao hụt và kiểm soát được chi phí hao hụt, tại công ty có những quy định nhằm giúp giảm chi phí và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

+ **Chi phí bảo hiểm:**

Chi phí bảo hiểm hiện nay đơn vị có tham gia bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm lũ lụt.

+ **Các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí này có giá trị nhỏ.

2.2.4 Phân tích sự biến động và công tác kiểm soát chi phí tại công ty

a. Phân tích sự biến động

Dựa vào các bảng số liệu so sánh giữa thực tế doanh nghiệp đã tiến hành so với dự toán, từ đó rút ra một số nhận xét như sau:

+ Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán thực tế trong năm 2012 tăng hơn so với dự toán vì tăng cả số lượng hàng hóa tiêu thụ được và tăng cả về đơn giá vốn bán ra trong kỳ chủ yếu ở mặt hàng xăng dầu chính. Cụ thể số liệu đã được phân tích và so sánh giữa bản kế hoạch và thực tế thực hiện..

+ Chi phí bán hàng và QLDN: Những khoản chi phí này cũng có xu hướng tăng ở một số khoản mục chi phí nhưng cũng có những khoản chi phí không có xu hướng tăng lên mà vẫn ổn định như chi phí tiền lương cho cán bộ quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài khác, chi phí đào tạo, tuyển dụng do ban quản lý của Công ty đã phân nào kiểm soát được các khoản chi phí này.

b. Kiểm soát giá vốn hàng bán

*** Kiểm soát chu trình mua và nhập kho hàng hóa:**

*** Kiểm soát chu trình xuất kho hàng hóa:**

Khi đơn vị vận tải đến kho nhận hàng, nhân viên thống kê của Tổng kho sẽ điền thông tin số lượng giống như ở phòng kinh doanh. Sau đó tiến hành bơm hàng vào xe bồn chứa xăng thì số lượng sẽ hiện lên để người chở hàng xác minh. Khi đủ số lượng theo HĐ thì thủ kho sẽ niêm phong chì sau đó thống kê kho sẽ giao cho người vận tải ký và người vận tải sẽ vận chuyển hàng sẽ cầm hóa đơn và đi giao hàng cho khách hàng sau đó chuyển liên hóa đơn có xác nhận của khách hàng giao lại cho công ty. Cuối ngày, tổng kho sẽ gửi toàn bộ hóa đơn xuất chuyển lên phòng kế toán.

c. Kiểm soát chi phí bán hàng và QLDN

➤ **Kiểm soát chi phí tiền lương**

Cách tính tiền lương mỗi năm là khác nhau, tùy theo kế hoạch của Tập đoàn giao xuống. Cụ thể như sau:

* **Văn phòng công ty:** Quỹ tiền lương thực hiện = Quỹ tiền lương kế hoạch

* **Khởi cửa hàng xăng dầu, trong đó:**

+ **Kinh doanh xăng dầu chính:**

- Nếu sản lượng thực hiện **đạt 100%** kế hoạch công ty giao, QTL quyết toán **bằng 100%** kế hoạch

- Nếu tổng sản lượng thực hiện tăng so với mức kế hoạch công ty giao thì cứ **tăng 1% sản lượng** kế hoạch thì **QTL được tăng lên thêm 0.5%**.

- Sản lượng thực hiện **không đạt 100%** kế hoạch công ty giao, QTL **giảm trừ tương ứng**.

+ **Loại hình SXKD và dịch vụ khác:**

Quỹ tiền lương thực hiện = Lãi gộp thực hiện * đơn giá kế hoạch

➤ **Kiểm soát chi phí vận chuyển**

Trong trường hợp cước vận chuyển do công ty chịu thì chi phí vận chuyển sẽ được tính bằng (=) đơn giá cước vận chuyển nhân (*) số Km vận chuyển. Với giá cước phải dựa vào phụ biểu đơn giá kèm theo QĐ 452 của HĐQT

➤ **Kiểm soát chi phí hao hụt**

Hao hụt vận chuyển tại các cửa hàng được xác định như sau:

+ Hao hụt lượng thực tế = Lượng tại kho xuất – Lượng tại kho Nhập

+ Hao hụt nhiệt độ = 5 độ C * 0,0013lit * Lượng tại kho xuất
(Tăng 1độ thì 1 lít xăng tăng 0,0013lit)

+ Hao hụt vận chuyển = Hao hụt thực tế + Hao hụt nhiệt độ

- Xử lý hàng thừa thiếu trong khâu vận tải:

Nếu thiếu hàng phải bồi thường 100% giá trị hàng thiếu theo giá bán buôn của công ty thuê vận tải tại thời điểm phát sinh thiếu hàng. Qui định này phải thể hiện trong hợp đồng vận tải.

➤ **Kiểm soát chi phí khấu hao TSCĐ:**

2.3 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH

2.3.1 Ưu điểm

2.3.2 Những mặt hạn chế

a. Phân loại chi phí

- Công ty chưa phân loại cụ thể chi phí nào là chi phí bán hàng, chi phí nào là chi phí QLDN. Trong các báo cáo chi phí chưa thể hiện rõ sự khác nhau. Bên cạnh đó có những khoản mục chi phí được sắp xếp không được hợp lý

b. Công tác dự toán chi phí

- Việc lập dự toán đang còn phụ thuộc quá nhiều vào tập đoàn quy định về định mức thực hiện của các khoản mục chi phí, không áp dụng thực tế mức chi phí kinh doanh cho công ty mình là bao nhiêu.

- Dự toán chi phí của công ty chưa thể hiện rõ mức chi phí tiết kiệm là bao nhiêu, mà chỉ chú trọng đảm bảo duy trì các khoản chi cho hoạt động SXKD. - Kế hoạch lập dự toán không nêu rõ cách thức để đạt được mục tiêu đề ra nên khó khăn trong việc hoàn thành mục tiêu.

c. Kế toán chi phí kinh doanh tại công ty

- **Giá vốn hàng bán:** Nguồn hàng của công ty được cung cấp

duy nhất từ Tập đoàn xăng dầu Việt Nam nên có những hạn chế như về mặt phụ thuộc giá cả, chất lượng của các nhà cung cấp do tập đoàn chỉ định. Công tác kiểm soát hao hụt xăng dầu tại các kho bãi, tại các cửa hàng chưa thật sự tốt

- Chi phí bán hàng và QLDN:

+ Chi phí nhân viên:

- Kiểm soát chưa chặt chẽ về thời gian làm việc của nhân viên tại công ty và tại các cửa hàng.

+ Chi phí vận chuyển:

Hợp đồng chi phí vận chuyển do đặc thù chủ yếu là các công ty nội bộ Tập đoàn nên chưa ràng buộc các thiệt hại, sai phạm của bên vận chuyển vào bên trong hợp đồng.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ:

Chi phí này thường bị tính toán sai về giá trị hao mòn, từ đó làm tăng chi phí SXKD của công ty.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận văn phản ánh giới thiệu tổng quan về đặc điểm hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức kế toán tại công ty và thực trạng KTQT chi phí kinh doanh tại công ty xăng dầu Quảng Bình.

Bên cạnh những thành quả đạt được thì hệ thống KTQT vẫn còn một số hạn chế về cơ chế hoạt động, các thông tin, thủ tục kiểm soát chi phí. Trên cơ sở những hạn chế này thì kế toán sẽ đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống KTQT tại công ty.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH

3.1 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH

3.1.1 Sự cần thiết hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty Xăng dầu Quảng Bình

3.1.2 Phương hướng hoàn thiện công tác KTQT chi phí sản xuất

3.2 HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG BÌNH

3.2.1 Tổ chức hoàn thiện bộ máy kế toán quản trị

3.2.2 Phân loại chi phí kinh doanh theo cách ứng xử chi phí

- Mục đích của việc lập bảng phân loại chi phí để phân các khoản chi phí đó theo từng khoản mục chi phí nào là biến phí, chi phí nào là định phí. Từ đó, doanh nghiệp có thể đưa ra dự toán một cách chính xác hơn. (bảng 3.1)

3.2.3 Công tác lập kế hoạch

- Lập kế hoạch chi tiết cho từng tháng, quý và chi tiết cho từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giao kế hoạch cho từng cửa hàng, đại lý, các phòng ban nên tổ chức chi phí thành hai loại biến phí và định phí

- Vấn đề tiền lương là vấn đề chính trong quản lý chi phí tại công ty, cần phải bố trí sắp xếp lao động một cách hợp lý.

3.2.4 Xây dựng hệ thống tài khoản con

Trên cơ sở hệ thống tài khoản kế toán sử dụng, luận văn đề xuất hệ thống tài khoản kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Mở tài khoản cấp 2 và cấp 3 thêm 2 ký tự với đối tượng là đối tượng kinh doanh và dịch vụ cung cấp. Mở tài khoản cấp 4 với 1 ký tự là trung tâm phát sinh chi phí (bảng 3.2 và bảng 3.3)

Theo đề xuất trên, luận văn xin đưa ra đề xuất về hệ thống tài khoản kế toán tài chính kết hợp với kế toán quản trị như sau:

Bảng 3.4 Hệ thống tài khoản kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị áp dụng tại Công ty Xăng dầu Quảng Bình

Số hiệu tài khoản				Tên tài khoản
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
511	5111	51111	511111	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Doanh thu hàng hóa Doanh thu Xăng dầu các loại Doanh thu Xăng dầu các loại tại hệ thống cửa hàng xăng dầu
632	6321	6323	63232	Giá vốn hàng bán Giá vốn hàng hóa Giá bán hàng hóa Gas Giá vốn hàng hóa Gas tại hệ thống cửa hàng Gas
641	6411 6414	641111 641414		Chi phí bán hàng Chi phí nhân viên Chi phí nhân viên tại cửa hàng Xăng dầu Chi phí Khấu hao TSCĐ Chi phí Khấu hao TSCĐ phục vụ kinh doanh Xăng dầu Tại Cảng Sông Gianh
642	6421	642115		Chi phí QLDN Chi phí nhân viên Chi phí nhân viên tại Văn phòng
...				...

3.2.5. Lập báo cáo chi phí sau mỗi lần có thay đổi về giá bán

- Hàng tháng, kế toán tại công ty nên căn cứ vào chi phí thực tế tập hợp được tại công ty xăng dầu phát sinh trong kỳ.

- Số liệu tập hợp về giá vốn hàng bán không chỉ dừng lại ở việc tập hợp theo chủng loại vật tư hàng hóa mà còn thể hiện ở các trung tâm phát sinh chi phí cụ thể. Từ đó giúp cho công ty có thể kiểm soát được giá trị, chủng loại hàng hóa của mình đang nằm ở các cửa hàng, kho, bến bãi. **(bảng 3.5 và 3.6)**

3.2.6 Phân tích và kiểm soát chi phí

a. Đối với Giá vốn hàng bán

- Kiểm soát hao hụt chặt chẽ hơn, quy định gắn trách nhiệm mức độ hao hụt cho từng cá nhân cụ thể khi phát hiện ra sai sót.

- Sử dụng hệ thống cân đo điện tử tại các cửa hàng và kho cảng xăng dầu. Lợi ích của việc sử dụng hệ thống này là rất lớn, giúp doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ GVHB.

- Kiểm kê các khoản hao hụt thừa thiếu xăng dầu: Mọi khoản chênh lệch phải được lập biên bản rõ ràng

- Quy định về xử lý kiểm thừa, thiếu kiểm kê: tối thiểu 3 tháng/lần/năm đơn vị phải tổ chức hội đồng để xử lý.

b. Đối với chi phí bán hàng và QLDN

* Đối với chi phí tiền lương:

Chi phí tiền lương của công ty được xây dựng tương đối hợp lý, chi phí tiền lương chia ra thành hai khoản, một khoản cố định cho ban lãnh đạo và một phần theo sản lượng tính cho nhân viên công ty. Phần tính lương theo sản phẩm thì công ty nên chi trả thay đổi theo sản lượng thực hiện được của từng tháng như vậy có tháng sẽ cao và có tháng sẽ giảm. Để giảm bớt khối lượng công việc cho bộ phận kế

toán thì nên có một quỹ lương được thiết lập dưới dạng tài khoản tại ngân hàng để tiện cho việc chi lương của công ty.

*** Chi phí vận chuyển**

- Cần chú trọng xử lý hao hụt khi vận chuyển, phải điều tra kỹ các đơn vị vận chuyển để giảm thiểu rủi ro, mất mát trong quá trình vận chuyển.

- Nên chọn những công ty có chi phí vận chuyển thấp nhưng vẫn phải đảm bảo an toàn cháy nổ.

*** Chi phí bảo quản và hao hụt**

- Nên hình thành hệ thống đo đạc ở các bể chứa bằng cân điện tử để đảm bảo tính chính xác khi đo đạc tránh tình trạng hao hụt.

- Giao nhiệm vụ cho thủ kho khi phát hiện ra hao hụt ngoài định mức thì phải báo ngay cho ban lãnh đạo công ty, nếu không sẽ có biện pháp xử lý.

*** Đối với dịch vụ chi phí mua ngoài:**

- Đối việc mua sắm thiết bị nên có sự phê duyệt của cấp lãnh đạo, cần phải thường xuyên kiểm tra các chủng loại vật tư, thiết bị mua sắm có đúng như mẫu mã đã đặt hay không.

- Quy định định mức sử dụng điện, điện thoại, internet cho từng phòng ban.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Ở chương này, luận văn đề cập đến sự cần thiết hoàn thiện hệ thống KTQT chi phí và yêu cầu hoàn thiện KTQT chi phí tại công ty Xăng dầu Quảng Bình. Qua đó, kết hợp với có sở lý luận và thực trạng KTQT chi phí tại công ty, luận văn mạnh dạn đề xuất một số giải pháp về quản lý chi phí bao gồm:

- Giải pháp hoàn thiện hệ thống cơ cấu KTQT chi phí

- Giải pháp hoàn thiện quy trình tập hợp một số khoản mục chi phí trong công ty.

KẾT LUẬN

Hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí sẽ tạo điều kiện cho các nhà lãnh đạo quản lý tốt quá trình sản xuất kinh doanh, đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác và hiệu quả.. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích về lý luận và thực tiễn, tác giả đã giải quyết được các nội dung sau:

Thứ nhất, hệ thống hoá cơ sở lý luận về kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại

Thứ hai, phản ánh được thực trạng kế toán quản trị chi phí tại công ty, bao gồm: phân loại chi phí, lập dự toán chi phí kinh doanh, tập hợp chi phí kinh doanh phát sinh..

Thứ ba, luận văn đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty, bao gồm: hoàn thiện công tác kế toán chi phí, phân tích biến động chi phí giữa thực tế và dự toán nhằm tăng cường kiểm soát chi phí.

Việc áp dụng KTQT vào các doanh nghiệp tại Việt Nam còn tương đối mới mẻ, nội dung thực hiện tương đối rộng. Với tài liệu và thời gian có hạn nên tác giả chỉ mới nghiên cứu đưa ra các giải pháp áp dụng tại Công ty xăng dầu Quảng Bình. Chính vì vậy, đề tài còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện, tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô, các bạn học viên và các cá nhân quan tâm để luận văn được hoàn thiện hơn.